

V-XÉT VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Stt	Điều kiện	Thời gian (số tuần)	Ghi chú
1	Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau: a) Tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình; b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên; c) Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình; d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đ) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.	4	
2	Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.		
3	Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.		

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 7 năm 2026



UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CĐYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

Mã ngành: 6720102

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông/tương đương

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Y sỹ Y học cổ truyền có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản để làm nhiệm vụ quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân chủ yếu bằng thuốc nam, châm cứu xoa bóp và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc; có khả năng tự học nâng cao trình độ góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể /Năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp

2.1. Về kiến thức

- Giải thích được cấu trúc giải phẫu, chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người;
- Đánh giá được sự tác động của virus, vi khuẩn, ký sinh trùng, các tác nhân vật lý, tác nhân hóa học, vai trò của di truyền lên cơ thể;
- Phát hiện được những trường hợp cấp cứu thường gặp tại tuyến y tế cơ sở;
- Hiểu được công dụng của các loại dược liệu thường dùng, một số Chương thuốc y học cổ truyền;
- Mô tả được các phương pháp bào chế cơ bản của dược liệu y học cổ truyền;
- Mô tả được hệ thống kinh lạc, xác định đúng vị trí và trình bày được tác dụng của các huyệt thường dùng, giải thích các nguyên tắc chọn huyệt trong điều trị;
- Giải thích được kỹ thuật châm, điện châm, kỹ thuật cứu và các thủ thuật bổ tá;
- Mô tả được các động tác xoa bóp tác động lên da, cơ, xương khớp và huyệt. Giải thích tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp để áp dụng phù hợp trong điều trị và phòng bệnh;
- Giải thích được các nguyên tắc, phương pháp, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của dưỡng sinh. Mô tả được các động tác dưỡng sinh cơ bản;
- Trình bày và giải thích được các bước thăm khám, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh thường gặp theo y học cổ truyền;
- Phát hiện được các triệu chứng y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng;
- Trình bày được các nguyên tắc đạo đức liên quan đến chăm sóc sức khỏe và trách nhiệm pháp lý của nghề y;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2. Về kỹ năng

- Giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cộng đồng, các đồng nghiệp trong đội ngũ y tế và trong sinh hoạt khoa học;
- Sử dụng thành thạo các thuật ngữ chuyên môn của ngành y học cổ truyền trong giao tiếp với đồng nghiệp; phân biệt và sử dụng các giải pháp thay thế;
- Lập được kế hoạch tư vấn, chăm sóc sức khỏe ban đầu và giáo dục sức khỏe cộng đồng;
- Thực hiện được các phương pháp khám bệnh, đưa ra pháp trị phù hợp, làm được hồ sơ bệnh án y học cổ truyền một cách tự tin, đầy đủ;
- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật châm, điện châm, cứu, giác hơi trong điều trị một số bệnh thông thường;
- Thực hiện được kỹ thuật bào chế các loại dược liệu thông thường;
- Thực hiện thành thạo các động tác dưỡng sinh cơ bản, lựa chọn động tác và hướng dẫn được cho từng bệnh nhân cụ thể để phòng và trị bệnh;
- Thực hiện thành thạo các động tác xoa bóp, bấm huyệt để phòng và điều trị bệnh;
- Chỉ định đúng Chương thuốc và gia giảm các vị thuốc hợp lý để điều trị một số bệnh thông thường;
- Thu thập, đánh giá, lưu trữ, sử dụng có chọn lọc các nguồn thông tin cho mục đích tự học, phát triển chuyên môn;
- Truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp cho các đồng nghiệp, hướng dẫn được cho sinh viên thực tập các kiến thức và kỹ năng về chuyên môn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát các nhân viên trong nhóm, trong tổ hoặc các sinh viên thực tập thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn xác định;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;
- Đánh giá đúng chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Chủ động hoàn thành tốt các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất;
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học cổ truyền và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế;
- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình;
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn hiệu quả;
- Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhi

Khóa học: 2026 - 2029 (Lớp CĐ YHCT 3A2)

Thời gian khóa học: 3 năm (từ tháng 8/2026 đến tháng 8/2029)

Thời gian học tập: 134 tuần, trong đó thời gian ôn, thi hết môn học, thời gian xét và cấp bằng tốt nghiệp: 19 tuần.

Thời gian nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 22 tuần

Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 255/QĐ-CĐYT ngày 08/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh

I-BẢNG PHÂN PHỐI SỐ GIỜ HỌC

Stt	Các môn học	Tin chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Chia theo năm học					
								Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba	
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI
1	Chính trị	5	75	41	29		5	75					
2	GDTC	2	60	5	51		4	60					
3	Tin học	3	75	15	58		2	75					
4	Pháp luật	2	30	18	10		2	30					
5	Tiếng Anh	4	120	42	72		6	120					
6	Tâm lý NB - Y đức	2	31	30			1	31					
7	Giải phẫu	3	61	29	30		2		61				
8	Sinh lý	2	31	30			1		31				
9	Vi sinh - KST	2	31	30			1		31				
10	Dược lý	3	62	44	16		2		62				
7	GDQP-AN	3	75	36	35		4		75				
12	Chức năng cơ thể người - sự HTBT	2	31	30			1		31				
13	KNGT-GDSK	2	46	15	30		1		46				
18	ĐDCB - KTĐD	3	62	30	30		2		62				
16	Dinh dưỡng - VSATTP	2	32	31			1			32			
19	Bệnh học YHHĐ I	5	77	75			2			77			
22	Bệnh học YHHĐ II	4	62	60			2			62			
20	TTLS ĐDCB và KTĐD	2	90			86	4			90			
6	TC và QLYT-PLYT	2	32	31			1			32			
21	Lý luận cơ bản YHCT	4	62	60			2			62			
23	Đồng Dược và Thừa kế	3	62	30	30		2			62			
25	TTLS BH YHHĐ	4	180			176	4				180		
24	Bài thuốc cổ phương	2	31	30			1				31		
27	Bệnh học YHCT I	5	77	75			2				77		
26	Các phương pháp ĐTKDT	5	130	45	80		5				130		
31	Bào chế đông dược	2	46	15	30		1					46	

17	Vệ sinh phòng bệnh	2	31	30			1					31	
15	Y tế cộng đồng	3	61	30	30		1					61	
29	TTLS các PPĐTKDT	3	135				131	4				135	
30	TTLS BHYHCT I	3	135				131	4				135	
33	Thực tập cộng đồng	2	90				86	4				90	
28	Bệnh học YHCT II	4	62	60				2					62
32	TTLS BHYHCT II	3	135				131	4					135
34	Thực tập tốt nghiệp	5	300				292	8					300
35	Môn tự chọn	2	48	15	32			1					48
35	Thống kê Y học - NCKH												
36	Khởi tạo doanh nghiệp												
	Tổng số	105	2668	982	563	1033	90	391	399	417	418	498	545

II- LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	8				9				10				11				12				1				2				3				4				5				6				7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
Năm I	G	D																				*	*			O	O																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										</

G	GD	X	GD		Học LT, TH & Thi	*	Dự	BC	Báo	O	Nghỉ	-	Thực tập	T	Xét
D	CD		QP			*	trừ	TN	cáo	O		-		N	TN
									TN	TN					

III-PHÂN PHỐI THỜI GIAN TOÀN KHÓA (THEO TUẦN)

Năm học	Lý thuyết và thực hành môn học	Các loại hình TT		Thi học kỳ	Xét tốt nghiệp	Nghỉ		Học GD công dân	Dự trữ	Báo cáo TN	Tổng số	Ghi chú
		TN	Khác			Hè	Tết					
I	36			6		5	2	1	2		52	
II	29		8	6		5	1		3		52	
III	15	8	15	2	5		1		3	3	52	
Tổng số tuần	80	8	23	14	5	10	4	1	8	3	156	

IV-THỰC TẬP

Các loại hình thực tập	Địa điểm	Học kỳ	Số tuần	Quy ra giờ	Số giờ kết hợp lao động sản xuất theo ngành nghề	Ghi chú
Thực tập lâm sàng	BVYHCT, BVĐK	III, IV, V, VI	20	675		
Thực tập cộng đồng	Trạm Y tế xã	V	3	90		
Thực tập tốt nghiệp	BVYHCT, BVĐK	VI	8	300		